PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
1	Đất, nhà Hạt 2 QL.18 (Bến phà Phả Lại cũ)	TTPTQĐTPHP001	334.7	133.0	133.0	586,744	133.00	2	Thương mại, dịch vụ	7,804,000	Trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm Thông báo, tổ chức, cá nhân nộp phiếu đăng ký thuê nhà tại: Trung tâm Phát triển quỹ đất, số 22 đường Phan Bội Châu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; tiền đặt trước nộp vào Số tài khoản: ..... tại Ngân hàng ..... Chi nhánh ..... (Trong giờ hành chính)	Thời gian tổ chức xác định người được quyền thuê nhà bắt đầu từ ….h…' ngày …./..../2026 tại phòng họp Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng, số 22 đường Phan Bội Châu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	
2	Trụ sở làm việc (cũ) của Chi cục Thuế TP Chí Linh	TTPTQĐTPHP002	1,737.2	1,308.0	1,308.0	302,467	1,308.00	2	Thương mại, dịch vụ	39,563,000			
3	Nhà văn hóa An Hưng (cũ)	TTPTQĐTPHP003	8,281.8	100.0	100.0	1,876,895	100.00	2	Thương mại, dịch vụ	18,769,000			
4	Nhà văn hóa Trại Mới (cũ)	TTPTQĐTPHP004	1,288.6	119.0	119.0	368,539	119.00	2	Thương mại, dịch vụ	4,386,000			
5	Trung tâm Y tế Hải Dương (số 20 Bắc Kinh)	TTPTQĐTPHP005	294.1	286.6	286.6	309,348	286.60	2	Thương mại, dịch vụ	8,866,000			
6	Trung tâm Y tế Hải Dương (số 11D Bắc Sơn)	TTPTQĐTPHP006	407.4	375.6	375.6	297,762	375.60	2	Thương mại, dịch vụ	11,184,000			
7	Trụ sở VP UBND tỉnh - Trụ sở tiếp công dân cũ (45 Bắc Sơn)	TTPTQĐTPHP007	505.6	450.0	450.0	684,805	450.00	2	Thương mại, dịch vụ	30,816,000			
8	Thuế cơ sở 9 (số 116 Đại lộ Trần Hưng Đạo)	TTPTQĐTPHP008	227.2	755.0	755.0	656,236	755.00	2	Thương mại, dịch vụ	49,546,000			
9	Trụ sở Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Môi trường (Số 69 Canh Nông)	TTPTQĐTPHP009	1,385.0	732.0	732.0	496,979	732.00	2	Thương mại, dịch vụ	36,379,000			
10	Trạm Y tế phường Hải Dương - 18 đường Nhà Thờ	TTPTQĐTPHP010	153.9	258.0	258.0	333,269	258.00	2	Thương mại, dịch vụ	8,598,000			
11	Nhà trẻ cũ (trường mầm non Hoa Thám-thôn Đá Bạc 1), xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh cũ.	TTPTQĐTPHP011	512.1	-	-	21,021	-	2	Thương mại, dịch vụ	1,076,000			
12	Trường THPT Nhị Chiểu (Số 253 Vũ Mạnh Hùng)	TTPTQĐTPHP012	6,097.8	1,681.0	1,681.0	520,159	1,681.00	2	Thương mại, dịch vụ	87,439,000			

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
13	Thuế cơ sở 10	TTPTQĐTPHP013	300.0	110.0	110.0	329,176	110.00	2	Thương mại, dịch vụ	3,621,000			
14	Trường MN xã Ngũ Phúc. Địa chỉ: thôn Bằng Lai (Điểm trường xóm 15), xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành cũ	TTPTQĐTPHP014	226.1	-	-	38,224	-	2	Thương mại, dịch vụ	864,000			
15	Trường MN xã Ngũ Phúc. Địa chỉ: thôn Bằng Lai (Điểm trường xóm 14), huyện Kim Thành cũ	TTPTQĐTPHP015	709.0	297.0	297.0	133,841	297.00	2	Thương mại, dịch vụ	3,975,000			
16	Trụ sở Trạm y tế Xã Thạch Lỗi cũ	TTPTQĐTPHP016	864.2	376.8	376.8	391,268	376.80	2	Thương mại, dịch vụ	14,743,000			
17	Trạm Y tế thị trấn Cẩm Giàng cũ	TTPTQĐTPHP017	721.4	115.6	115.6	472,363	115.60	2	Thương mại, dịch vụ	5,461,000			
18	Trụ sở đội thuế Hưng Đạo cũ (nay là xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng)	TTPTQĐTPHP018	161.2	118.0	118.0	377,720	118.00	2	Thương mại, dịch vụ	4,457,000			
19	Thuế cơ sở 12 - xã Gia Lộc	TTPTQĐTPHP019	188.2	133.0	133.0	1,137,725	133.00	2	Thương mại, dịch vụ	15,132,000			
20	Trụ sở Hạt Giao thông huyện Gia Lộc cũ	TTPTQĐTPHP020	658.8	570.0	570.0	321,257	570.00	2	Thương mại, dịch vụ	18,312,000			
21	Trụ sở Trạm Y tế Tân Tiến cũ	TTPTQĐTPHP021	1,131.0	249.0	249.0	429,712	249.00	2	Thương mại, dịch vụ	10,700,000			
22	Trường tiểu học thị trấn Gia Lộc (phân khu 2)	TTPTQĐTPHP022	2,778.7	744.6	744.6	174,268	744.60	2	Thương mại, dịch vụ	12,976,000			
23	Trụ sở tiếp dân (Thanh tra huyện cũ), Xã Gia Lộc sau sắp xếp	TTPTQĐTPHP023	345.7	951.0	951.0	212,043	951.00	2	Thương mại, dịch vụ	20,165,000			
24	Trụ sở UBND Xã Gia Tiến (UBND Xã Gia Lương cũ)	TTPTQĐTPHP024	6,561.2	1,618.0	1,618.0	926,031	1,618.00	2	Thương mại, dịch vụ	149,832,000			

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
25	Trụ sở UBND Xã Gia Khánh cũ	TTPTQĐTPHP025	225.8	400.0	400.0	18,536	400.00	2	Thương mại, dịch vụ	741,000			
26	Trụ sở UBND thị trấn Gia Lộc cũ	TTPTQĐTPHP026	2,901.4	560.0	560.0	957,669	560.00	2	Thương mại, dịch vụ	53,629,000			
27	Trạm y tế xã Hà Tây - Điểm trạm y tế số 2 (trạm y tế xã An Lương cũ) - Thôn An Lại	TTPTQĐTPHP027	849.2	450.0	450.0	274,086	450.00	2	Thương mại, dịch vụ	12,334,000			
28	Trường THCS An Phượng - cs2 (trụ sở UBND xã An Lương cũ) Thôn An Lại	TTPTQĐTPHP028	1,966.4	870.0	870.0	458,781	870.00	2	Thương mại, dịch vụ	39,914,000			
29	Trạm Y tế xã Đông Xuyên (cũ) Thôn Đông Cao	TTPTQĐTPHP029	1,730.0	500.0	500.0	458,183	500.00	2	Thương mại, dịch vụ	22,909,000			
30	Nhà mẫu giáo thôn Cao Ngô Liên Hòa, xã Hòa Bình, huyện Kim Thành cũ.	TTPTQĐTPHP030	570.7	-	-	21,021	-	2	Thương mại, dịch vụ	1,200,000			
31	Nhà mẫu giáo thôn Hưng Hòa Liên Hòa, xã Hòa Bình, huyện Kim Thành cũ.	TTPTQĐTPHP031	547.9	-	-	23,123	-	2	Thương mại, dịch vụ	1,267,000			
32	Nhà mẫu giáo thôn Trung Hạng Liên Hòa, xã Hòa Bình, huyện Kim Thành cũ.	TTPTQĐTPHP032	183.3	-	-	21,021	-	2	Thương mại, dịch vụ	385,000			
33	Trạm y tế xã Thượng Vũ (cũ)	TTPTQĐTPHP033	2,435.5	176.0	176.0	342,557	176.00	2	Thương mại, dịch vụ	6,029,000			
34	Trường MN thôn Cam Thượng xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành cũ.	TTPTQĐTPHP034	1,177.3	-	-	10,674	-	2	Thương mại, dịch vụ	1,257,000			
35	Trạm bến Cậy địa chỉ xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng cũ	TTPTQĐTPHP035	633.2	259.9	259.9	327,176	259.90	2	Thương mại, dịch vụ	8,503,000			
36	Trụ sở đội thuế Phúc Thành thuộc Chi cục thuế khu vực Kinh Môn (cũ)	TTPTQĐTPHP036	226.7	56.0	56.0	906,222	56.00	2	Thương mại, dịch vụ	5,075,000			

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
37	Trụ sở phòng Tài chính - Kế hoạch (cũ)	TTPTQĐTPHP037	289.6	420.0	420.0	261,903	420.00	2	Thương mại, dịch vụ	11,000,000			
38	Thuế cơ sở 14	TTPTQĐTPHP038	203.8	265.0	265.0	1,151,799	265.00	2	Thương mại, dịch vụ	30,523,000			
39	Trụ sở tiếp công dân UBND huyện Nam Sách cũ	TTPTQĐTPHP039	439.1	390.4	390.4	546,335	390.40	2	Thương mại, dịch vụ	21,329,000			
40	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang cũ	TTPTQĐTPHP040	624.8	251.0	251.0	477,226	251.00	2	Thương mại, dịch vụ	11,978,000			
41	Trường mầm non thôn Dưỡng Thái Bắc, xã Phúc Thành (nay là thị trấn Phú Thái), huyện Kim Thành cũ.	TTPTQĐTPHP041	449.0	178.6	178.6	137,676	178.60	2	Thương mại, dịch vụ	2,459,000			
42	Trụ sở UBND xã Kim Liên xây dựng cho Công an xã Kim Liên sử dụng	TTPTQĐTPHP042	2,597.5	502.0	502.0	790,628	502.00	2	Thương mại, dịch vụ	39,690,000			
43	Nhà trẻ thôn Tế Cầu (cũ), xã Hồng Đức (nay là xã Đức Phúc), huyện Ninh Giang cũ	TTPTQĐTPHP043	370.2	-	-	33,977	-	2	Thương mại, dịch vụ	1,258,000			
44	Trung tâm Y tế Thanh Hà (112 đường Nguyễn Hải Thanh)	TTPTQĐTPHP044	1,651.6	557.0	557.0	552,170	557.00	2	Thương mại, dịch vụ	30,756,000			
45	VKSND huyện Thanh Hà	TTPTQĐTPHP045	1,279.7	860.0	860.0	263,395	860.00	2	Thương mại, dịch vụ	22,652,000			
46	Trụ sở UBND thị trấn Thanh Hà (Thanh Khê cũ)	TTPTQĐTPHP046	4,958.6	1,483.0	1,483.0	212,364	1,483.00	2	Thương mại, dịch vụ	31,494,000			
47	Trụ sở UBND xã Thanh Sơn (cũ)	TTPTQĐTPHP047	4,409.1	1,456.0	1,456.0	270,114	1,456.00	2	Thương mại, dịch vụ	39,329,000			

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
48	Trụ sở làm việc của Trạm y tế thị trấn Thanh Hà Cũ (Trụ sở làm việc của Trạm y tế Xã Thanh Khê cũ; do Xã Thanh Khê sát nhập với thị trấn Thanh Hà)	TTPTQĐTPHP048	767.5	450.0	450.0	302,201	450.00	2	Thương mại, dịch vụ	13,599,000			
49	Thuế cơ sở 12 - xã Tứ Kỳ	TTPTQĐTPHP049	316.0	268.1	268.1	369,590	268.05	2	Thương mại, dịch vụ	9,907,000			
50	Thuế cơ sở 12 (khu An Nhân)	TTPTQĐTPHP050	3,618.8	2,845.8	2,845.8	620,378	2,845.75	2	Thương mại, dịch vụ	176,544,000			
51	Nhà lớp học mầm non thôn 6, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang cũ	TTPTQĐTPHP051	71.4	46.7	46.7	62,691	46.70	2	Thương mại, dịch vụ	293,000			
52	Nhà Trẻ thôn Đồng Lại 1 xã Ứng Hòe, huyện Ninh Giang cũ	TTPTQĐTPHP052	132.9	52.0	52.0	69,160	52.00	2	Thương mại, dịch vụ	360,000			
53	Nhà trẻ, nhà mẫu xóm 7 thôn Đỗ Xá, xã Ứng Hòe, huyện Ninh Giang cũ	TTPTQĐTPHP053	546.5	87.0	87.0	183,033	87.00	2	Thương mại, dịch vụ	1,592,000			
54	Trụ sở Đội Thuế xã Đồng Gia	TTPTQĐTPHP054	130.0	39.3	39.3	621,505	39.30	2	Thương mại, dịch vụ	2,443,000			
55	Trụ sở Đội Thuế xã Cộng Hòa	TTPTQĐTPHP055	135.0	118.8	118.8	1,065,265	118.80	2	Thương mại, dịch vụ	12,655,000			
56	Trụ sở Ban Quản lý dự án bảo trì và kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Hải Dương cũ (141/79 - Thống Nhất)	TTPTQĐTPHP056	644.6	882.5	882.5	671,594	882.45	2	Thương mại, dịch vụ	59,265,000			
57	Viện cây lương thực và cây thực phẩm tại phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương cũ	TTPTQĐTPHP057	2,857.4	194.0	194.0	1,298,951	194.00	2	Thương mại, dịch vụ	25,200,000			
58	Nhà trẻ cũ xóm mới Khu dân cư Cầu Dòng, phường Cộng Hoà, thành phố Chí Linh cũ	TTPTQĐTPHP058	3,156.0	91.0	91.0	972,855	91.00	2	Thương mại, dịch vụ	8,853,000			

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	**Địa chỉ nhà, đất**	**Mã tài sản**	**Diện tích** (m2)			**Giá sàn cho thuê** (đồng/m2/năm)	**Diện tích nhà cho thuê** (m2)	**Thời hạn cho thuê nhà** (năm)	**Mục đích sử dụng**	**Tiền đặt trước làm tròn** (đồng)	**Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước**	**Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà**	**Vị trí Google Map**
			Đất	**Sàn xây dựng nhà**	**Sàn sử dụng nhà**								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
59	Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ninh Giang tại đường Ninh Thái, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang cũ	TTPTQĐTPHP059	1,164.5	450.0	450.0	113,967	450.00	2	Thương mại, dịch vụ	5,128,000			